

VỀ VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ CỦA TRUNG QUỐC

THS. VŨ TRẦN KIM LIÊM
Bộ Giáo dục

Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội XIV, Tổng Bí thư Trung Quốc Giang Trạch Dân đã nêu rõ quan điểm của Đảng Cộng sản Trung Quốc về vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc: “*Đẩy nhanh phát triển kinh tế của vùng dân tộc thiểu số có ý nghĩa quan trọng đối với việc tăng cường đoàn kết dân tộc, củng cố biên phòng, xúc tiến phát triển kinh tế cả nước; thực hiện xóa nghèo ở vùng nghèo khó, làm giàu nhanh đối với những khu vực quan trọng để thực hiện mục tiêu chiến lược của bước thứ hai; đối với vùng dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng, vùng biên giới và vùng nghèo khó, Nhà nước phải áp dụng chính sách giúp đỡ hiệu quả, vùng kinh tế phát triển phải áp dụng nhiều hình thức để hỗ trợ vùng chậm phát triển*”⁽¹⁾.

Tại đại hội lần thứ XV, với đường lối “xây dựng toàn diện xã hội khá giả” trong 20 năm đầu của thế kỷ XXI, tình

thần chủ yếu về dân tộc và chính sách dân tộc cơ bản là thống nhất. Vào thời gian này, một nhiệm vụ quan trọng để phát triển kinh tế và văn hoá ở khu vực dân tộc thiểu số là Trung Quốc quyết định thực hiện chiến lược *Đại khai phát miền Tây* và chiến lược *Hưng biên phú dân*. Việc thực hiện hai chiến lược này không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của Trung Quốc mà còn góp phần tăng cường đoàn kết dân tộc và ổn định vùng biên giới; thực hiện toàn diện chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Trung Quốc, kiên trì và hoàn thiện chế độ tự trị khu vực dân tộc, củng cố và phát triển quan hệ dân tộc XHCN bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, thúc đẩy các dân tộc cùng phồn vinh phát triển⁽²⁾. Muốn thực hiện tốt mục tiêu này, nhiệm vụ quan trọng mà ngành giáo dục Trung Quốc quan tâm là phải đào tạo và xây dựng được một đội ngũ cán bộ tại chỗ cho vùng dân tộc thiểu số đủ về số lượng, đạt về chất lượng.

1. Thực trạng phát triển kinh tế văn hoá tại vùng dân tộc thiểu số những năm đầu thời kỳ cải cách mở cửa

Khu vực dân tộc thiểu số có đặc điểm cơ bản về mặt địa lý là các dân tộc phân bố trên một diện tích rộng, tài nguyên rất phong phú nhưng suốt một thời gian dài vẫn chưa được khai thác, sử dụng. Trong số 55 dân tộc sống trên lãnh thổ Trung Quốc thì có đến 30 dân tộc thiểu số sống rải rác trên hơn 20.000 km biên giới và có khoảng 20 dân tộc có quan hệ thân tộc với những người cùng dân tộc ở quốc gia khác. Mặt khác còn có nguyên nhân lịch sử là khi Trung Quốc bước vào giai đoạn đầu của CNXH, tại một số vùng dân tộc thiểu số vẫn duy trì xã hội mẫu hệ, do vậy vẫn rất lạc hậu về tất cả mọi phương diện như sinh sản, phong tục tập quán, quan niệm tư tưởng, v.v..., ảnh hưởng đến sự phát triển chung cũng như cuộc sống ấm no hạnh phúc của nhân dân. Tại các vùng này, giáo dục chưa phát triển nên chất lượng lao động chưa cao, cán bộ khoa học kỹ thuật và những người có thể sử dụng kỹ thuật trong lao động còn quá thiếu.

Một đặc điểm khác cần lưu ý là trong thời kỳ "Cách mạng văn hoá", một lực lượng tương đối đông thanh niên trí thức thành phố bị bắt buộc lên vùng cao để "cải tạo". Đối với bản thân các thanh niên trí thức thì đây là một giai đoạn khó khăn gian khổ nhưng trong một chừng mực nhất định lại có tác dụng thúc đẩy sự phát triển khoa học kỹ thuật ở các vùng này. Họ chính là lực lượng

sản xuất có trình độ cao nên họ đảm đương những nhiệm vụ của những kỹ thuật viên khoa học kỹ thuật và cả những vị trí lãnh đạo tại các địa phương nơi họ bị đưa đến. Tuy vậy, khi lực lượng này trở về thành phố đã để lại một khoảng trống về nhân lực, về khoa học kỹ thuật khó bù đắp tại các vùng dân tộc. Chính vì thế lúc này bồi dưỡng nhân tài, bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật có năng lực thực hành, thông thạo về các lĩnh vực như công nghiệp, nông nghiệp, chăn nuôi..., nhất là đào tạo cán bộ là người của các dân tộc thiểu số để bổ sung thay thế là một yêu cầu cấp bách được đặt ra cho các cấp và các ngành. Ngoài ra, để phát triển kinh tế trong thời kỳ mới còn phải chú ý đào tạo các xưởng trưởng, giám đốc, công trình sư, các nhà nông học, kinh tế học, kế toán... là người dân tộc để có thể làm cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật ở vùng này⁽³⁾. Đây cũng chính là một nhiệm vụ nặng nề và khó khăn của công tác giáo dục nhằm tạo nguồn nhân lực tại chỗ ở vùng dân tộc thiểu số.

Ngành giáo dục xác định nhiệm vụ đầu tiên là phải làm thay đổi các quan niệm cũ, các quan niệm sai lầm từ thời "Cách mạng văn hoá". Điều quan trọng nhất là phải làm cho mọi người dân nhận thức được vai trò và vị trí của giáo dục trong thời kỳ mới, đặc biệt là vai trò của giáo dục trong chiến lược "Khoa giáo hưng quốc" của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Từ các cán bộ lãnh đạo đến người dân đều tâm đắc kinh nghiệm từ thực tế

đời sống để lại: *Muốn xoá đói giảm nghèo đầu tiên phải diệt đói, muốn diệt đói phải dựa vào giáo dục*⁽⁴⁾. Giáo dục phải góp phần xây dựng CNXH, phải xây dựng một cơ sở vật chất đầy đủ sung túc trên nền tảng vững chắc của văn minh tinh thần. Chỉ có kết hợp tốt nhất hai mặt này mới thực hiện được nhiệm vụ xây dựng CNXH. Hơn nữa bản thân giáo dục dân tộc thiểu số đã là một nội dung trọng yếu trong xây dựng văn minh tinh thần XHCN tại các khu vực này. Chỉ có nỗ lực phát triển giáo dục dân tộc thiểu số thì mới có thể kế thừa và phát huy được những nét ưu tú và tinh hoa của văn hoá các dân tộc để xây dựng và phát triển một nền văn hóa mới và thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực này.

2. Những tìm hiểu ban đầu về nhiệm vụ đào tạo cán bộ là người dân tộc thiểu số ở Trung Quốc.

Bước sang giai đoạn xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN Trung Quốc đã xác định rất rõ, đất nước phát triển nhờ có khoa học và giáo dục phát triển. Chính vì thế Trung Quốc quyết định thực hiện chiến lược chấn hưng đất nước bằng khoa học kỹ thuật và giáo dục (khoa giáo hưng quốc) và coi là quyết sách chiến lược trọng đại, là phương châm duy trì lâu dài sự phát triển của đất nước.

Trong giáo dục, điều quan trọng nhất là Trung Quốc xây dựng Cương yếu cải cách và phát triển giáo dục trong những

năm cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI. Trong phần giáo dục tại vùng dân tộc thiểu số, Cương yếu ghi rõ: *Coi trọng và nâng đỡ sự nghiệp giáo dục của dân tộc thiểu số. Trung ương và địa phương phải từng bước tăng kinh phí giáo dục cho dân tộc thiểu số. Đối với vùng dân tộc thiểu số có khó khăn đặc biệt, phải áp dụng chính sách và biện pháp riêng. Trong các khoản phí hỗ trợ cho khu vực dân tộc thiểu số do Nhà nước cấp và các quỹ giúp đỡ xoá nghèo khác, phải dành tỷ lệ nhất định dùng cho phát triển giáo dục dân tộc. Về vấn đề đãi ngộ học sinh tốt nghiệp các trường đại học và trung cấp tình nguyện đến công tác tại vùng dân tộc thiểu số xa xôi, các nơi phải định ra chính sách ưu đãi. Tổ chức chu đáo và sát thực nhiệm vụ phát huy nội lực của tỉnh, thành phố cùng chi viện cho giáo dục của vùng dân tộc. Các vùng dân tộc phải tích cực tìm kiếm con đường phát triển giáo dục thích hợp với thực tế nơi đó*⁽⁵⁾. Với tinh thần trên, Trung Quốc muốn xuất phát từ cải cách giáo dục để đào tạo cán bộ cho công cuộc phát triển vùng dân tộc thiểu số.

Đối với đội ngũ cán bộ cơ sở, Trung Quốc xác định đây là đội ngũ cán bộ đông đảo và quan trọng để thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển ở các cơ sở thôn bản. Những cán bộ này gần dân, đòi hỏi phải nắm vững những yêu cầu của dân. Trung Quốc xác định, để xây dựng đội ngũ này tốt nhất là phát triển lực lượng tại chỗ. Từ thực tế của Cách mạng văn hoá, Trung Quốc nhận thấy

không thể đưa cán bộ từ nơi khác đến với yêu cầu gắn bó lâu dài tại các vùng sâu vùng xa. Chính vì vậy, để xây dựng đội ngũ cán bộ tại chỗ, Trung Quốc xác định phải dựa vào giáo dục.

Để hoàn thành công tác giáo dục phổ cập và đào tạo cán bộ cấp cơ sở miền núi, Trung Quốc đã xây dựng hệ thống giáo dục với nhiều loại trường có khả năng đáp ứng nhu cầu học tập của đông đảo các tầng lớp nhân dân. Trước hết phải kể đến các trường phổ thông bao gồm cả phổ thông cơ sở và phổ thông trung học như là mắt xích quan trọng nhất trong việc mang lại học vấn cho cư dân. Việc xuất hiện các trường dân lập hoặc trường do các cơ quan đoàn thể lập như là sự bổ sung cho hệ thống giáo dục của nhà nước. Bên cạnh hai loại trường trên còn có các trường bổ túc văn hóa tập trung và các lớp bổ túc ngoài giờ cùng với loại trường dân tộc kiểu học viện dân tộc... Các loại trường này đóng vai trò rất quan trọng trong việc tạo nguồn nhân lực, đào tạo cán bộ vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

Về nguyên tắc, Trung Quốc tiếp tục coi giáo dục là nhiệm vụ chiến lược ưu tiên hàng đầu. Sự phát triển giáo dục dân tộc thiểu số không phải chỉ là hoàn thành một bộ phận trong sự nghiệp giáo dục mà cũng chính là thực hiện nhiệm vụ chiến lược đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn mới. Sự phát triển của Trung Quốc trong gần 60 năm qua đã chứng minh, không phát triển văn hoá giáo dục trong cộng đồng các dân tộc

thiểu số thì không thể có cuộc sống ấm no hạnh phúc, không tạo được sự bình đẳng và cũng không có sự phồn vinh ở các dân tộc thiểu số.

Vào thời gian này, nơi khó khăn và chậm phát triển nhất ở Trung Quốc chính là khu vực miền Tây, vì thế Trung Quốc đã đưa ra *Chương trình xóa đói giảm nghèo bằng giáo dục của nhà nước hướng về miền Tây*. Theo Chương trình này, mặt trận chính của chương trình xóa đói giảm nghèo bằng giáo dục có quy mô lớn nhất của Nhà nước với tên gọi “Chương trình Nhà nước về giáo dục bắt buộc ở những khu vực nghèo khó” sẽ chuyển từ miền Trung sang miền Tây. Bộ Giáo dục, Bộ Tài chính đã cùng với chính quyền 9 tỉnh và khu tự trị là Tân Cương, Nội Mông, Thanh Hải, Ninh Hạ, Cam Túc, Tây Tạng, Vân Nam, Quảng Tây, Quý Châu và binh đoàn xây dựng sản xuất Tân Cương ký kết trách nhiệm trong 3 năm, Trung ương và địa phương sẽ đầu tư 5,49 tỷ NDT xây dựng 14.942 trường trung và tiểu học tại 469 huyện khó khăn ở các khu vực kể trên. Các địa phương ký kết trách nhiệm chương trình lần này là những khu tập trung dân tộc thiểu số nhiều nhất của Trung Quốc. Những nơi đó đất đai rộng, cơ sở kinh tế giáo dục yếu kém, thực hiện giáo dục bắt buộc có nhiều khó khăn. Để đẩy mạnh công tác giảm nghèo, trong 3,9 tỷ NDT dành riêng cho chương trình này của Trung ương, Chính phủ Trung Quốc đã dành 2,4 tỷ NDT cho 9 tỉnh, khu nói trên. Trung Quốc còn điều chỉnh tỷ lệ

vốn đối ứng giữa trung ương và địa phương từ 1:2 thành 1:1,5. Dựa trên điều kiện thực tế, “chương trình” đưa ra qui hoạch sau 3 năm sẽ dỡ bỏ triệt để những phòng học tiểu học, trung học cơ sở đã xuống cấp ở 469 huyện nghèo, xây dựng 13023 trường tiểu học và 1919 trường trung học cơ sở, đồng thời trang bị đồ dùng học tập, đồ dùng giảng dạy, tài liệu sách vở và bàn ghế đồng bộ cho những trường mới này. Chương trình cũng giúp các địa phương đào tạo giáo viên và hiệu trưởng... nhằm mục đích tăng cường đội ngũ cán bộ, nâng cao chất lượng đào tạo để đến năm 2000 khi chương trình này kết thúc sẽ có khoảng 200 huyện được phổ cập giáo dục bắt buộc 9 năm.

Theo kế hoạch đã được vạch sẵn, bắt đầu từ năm 2001, mỗi năm tài chính Trung ương sẽ tăng từ 30 triệu đồng NDT cho quỹ hỗ trợ học sinh trung học, tiểu học lên mức 100 triệu NDT, trọng điểm là trợ giúp học sinh thuộc gia đình khó khăn ở khu vực miền Tây. Số lượng học sinh mỗi năm được trợ giúp ước tính khoảng 1 triệu ở cấp trung học và tiểu học. Trong mỗi năm tài chính, trung ương còn chi 200 triệu đồng NDT riêng cho việc mở rộng thí điểm chế độ cung cấp sách giáo khoa miễn phí đối với học sinh thuộc gia đình kinh tế khó khăn. Theo báo cáo thống kê, mỗi năm có hơn 2,43 triệu học sinh trung học, tiểu học được hưởng chế độ này.

Tuy nhiên, điều quan trọng nhất trong nhiệm vụ đào tạo cán bộ cho vùng

dân tộc thiểu số chính là vấn đề phát triển giáo dục hướng nghiệp, mở rộng các lớp bồi dưỡng kỹ thuật cho lực lượng cán bộ và lực lượng sản xuất tại các thôn bản. Trung Quốc lập các trung tâm huấn luyện ngành nghề, trung tâm đào tạo công nhân viên chức, trường bồi dưỡng kỹ thuật cho người trưởng thành và các cơ sở đào tạo xã hội. Theo thống kê chưa đầy đủ, số lượng học viên hoàn thành khóa học tại các trường đào tạo kỹ thuật tại chức là 81,1881 triệu lượt người, trong đó có 4,37 triệu lượt công nhân viên chức và 76,8181 triệu lượt nông dân. Trong nhiệm vụ hàng năm gửi các địa phương, Bộ Giáo dục Trung Quốc luôn nhấn mạnh phải chú trọng làm tốt công tác dạy nghề hướng vào nghề nông và những nghề gian khổ, tăng nhanh bước phát triển của việc dạy nghề tại khu vực miền Trung và miền Tây Trung Quốc.

Để phối hợp với chiến lược phát triển miền Tây của Trung ương, Bộ Giáo dục Trung Quốc nhấn mạnh cần thực hiện các biện pháp thúc đẩy đại khai phát miền Tây bằng cách thiết lập thể chế giáo dục ngành nghề hiện đại, thích ứng với thể chế kinh tế thị trường XHCN, kết hợp chặt chẽ với nhu cầu thị trường và giải quyết công ăn việc làm, xây dựng cơ cấu hợp lý, linh hoạt, có đặc trưng rõ ràng, tự chủ và tích cực phát triển các loại hình bồi dưỡng ngành nghề, đáp ứng mục tiêu giải quyết việc làm và tái tạo việc làm, phục vụ sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Công tác trọng điểm bao gồm việc tiếp

tục thực thi “Công trình giáo dục bắt buộc vùng nghèo đói” đợt 2, tổ chức tốt viện trợ đối ứng trong giáo dục, ra sức xây dựng mạng lưới thông tin hóa giáo dục khu vực miền Tây, hỗ trợ phát triển giáo dục dạy nghề và tập trung xây dựng một trường đại học trình độ cao tại mỗi tỉnh, tăng nhanh tiến trình phổ cập giáo dục bắt buộc 9 năm và xoá nạn mù chữ cho thanh niên và trung niên ở khu vực dân tộc thiểu số.

Đối với nhiệm vụ đào tạo cán bộ bậc cao cho khu vực dân tộc, Trung Quốc đã có sự quan tâm đúng đắn. Từ sau khi thành lập nước, tại các địa phương khác nhau ở các khu tự trị đã lần lượt thành lập 105 học viện, trường chuyên nghiệp và trường đại học, trên toàn quốc có 12 học viện dân tộc dành riêng cho con em các dân tộc thiểu số. Mặt khác, tại các trường đại học trọng điểm, các trường đại học của các địa phương cũng có các lớp dân tộc và các lớp dân tộc nội trú. Trong thời kỳ cải cách mở cửa, các khu tự trị, các tỉnh đã điều chỉnh lại kết cấu giáo dục, thực hiện chế độ "phân cấp lập học, phân cấp quản lý" để nâng cao hiệu quả đào tạo ở các trường. Ngoài ra, nhằm phát huy tốt nhất nội lực địa phương, các cấp chính quyền đã phát động toàn dân tập trung sức lực cho giáo dục, cải thiện điều kiện dạy và học, thành lập thêm các trường học nội trú và bán trú, tăng cường hiện đại hoá, vi tính hoá trong giáo dục. Quá trình này đã thu được những kết quả khích lệ. Những năm cuối thế kỷ XX, các tỉnh và

các khu tự trị như: Tân Cương, Nội Mong, Ninh Hạ, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu, Thanh Hải, Cam Túc... đã thành lập được hơn 70 trường cao đẳng theo phương thức này.

Tuy nhiên, để giải quyết khó khăn trước mắt, Trung Quốc đã chú trọng đến biện pháp động viên khuyến khích cán bộ học sinh có trình độ đại học trở lên tình nguyện lên công tác có thời hạn tại các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Trung Quốc đặc biệt chú ý đến hình thức đăng ký sinh viên tình nguyện. Những sinh viên này được khuyến khích về nông thôn và miền núi, nhất là vùng khó khăn, kinh tế kém phát triển phía Tây để giúp việc cho các trường thôn. Trung Quốc phấn đấu thực hiện mục tiêu mỗi thôn có 1 sinh viên nhằm tuyên truyền phổ biến, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Chính phủ Trung Quốc đã thực hiện các chính sách ưu đãi đối với sinh viên tình nguyện, ví dụ như được cộng thêm điểm vào các kỳ thi tuyển công chức nhà nước hay thi tuyển sau đại học khi đã hoàn thành thời gian tình nguyện. Trong thời gian làm tình nguyện vẫn được bảo lưu hộ khẩu tại thành phố mà sinh viên đó mới tốt nghiệp... Đây cũng là một hướng lựa chọn mới cho sinh viên trong chiến lược “Đại khai phát miền Tây” của Trung Quốc.

Đối với các địa phương, dựa trên tinh thần chỉ đạo chung của Nhà nước, căn cứ vào thực tiễn của địa phương mình, mỗi tỉnh hoặc khu tự trị có cách làm khác

nhau để đào tạo đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, cao về chất lượng cho chính địa phương. Có thể nêu ra ở đây một số ví dụ tiêu biểu:

- Vân Nam là một tỉnh thuộc miền núi phía Tây Trung Quốc với hơn 90% diện tích là núi, dân số hơn 40 triệu người, trong đó 1/3 là dân tộc thiểu số. Vì thế khi bước vào giai đoạn mới, Vân Nam có rất nhiều vấn đề phải giải quyết trong đó có vấn đề đào tạo cán bộ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Để giải quyết vấn đề này, Chính quyền tỉnh đã chỉ đạo ngành giáo dục Vân Nam xây dựng một hệ thống giáo dục thích hợp của tỉnh. Hệ thống này bao gồm giáo dục phổ thông, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục đại học, giáo dục người trưởng thành và giáo dục trẻ khuyết tật. Chính hệ thống giáo dục toàn diện và hợp lý đã tạo điều kiện thực hiện nhiệm vụ đào tạo cán bộ. Ngoài ra, căn cứ vào thực tế, Vân Nam chủ trương thành lập các trường tiểu học nội trú để thu hút con em đồng bào dân tộc thiểu số đến lớp nhằm tạo nguồn nhân lực cho tương lai. Theo báo cáo thống kê, đến những năm cuối của thế kỷ XX, toàn tỉnh đã xây dựng được 40 trường loại này. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến kết quả hàng ngày hệ thống giáo dục của Vân Nam thu hút 1/7 dân số lên lớp học.

- Tại khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây từ 1983 trở lại đây mỗi năm nhà nước chuyển xuống 10 triệu NDT, trong khi đó chính quyền địa phương cũng chỉ một khoản là 11 triệu NDT để

xây dựng mới các trường học ở vùng nghèo. Trong quá trình xây dựng có chú trọng ưu tiên cho những đơn vị thuộc khu vực khó khăn, vùng dân tộc thiểu số.

- Tại Tứ Xuyên thì ở các châu huyện tự trị như Lương Sơn, Cam tư, A Bá... tỉnh chủ trương cùng phát triển song song với giáo dục phổ thông là phát triển các trường dạy nghề, các trường kỹ thuật hướng nghiệp. Tại các địa phương này, tỉnh đã mở ra hơn 30 lớp chuyên nghiệp sơ cấp và trung cấp, tuyển đến hơn 60.000 học sinh với mục đích đào tạo công nhân, cán bộ kỹ thuật để phát triển sản xuất tại các thôn bản⁽⁶⁾.

- Nơi có điều kiện học tập cũng như kinh tế khó khăn nhất là Khu tự trị Tây Tạng. Trong hai năm 1987 và 1993, Trung Quốc đã tổ chức hai cuộc hội nghị với mục đích tăng cường chi viện trí lực cho Tây Tạng và khuyến khích động viên các tỉnh chú trọng nâng đỡ giáo dục ở Tây Tạng nói riêng và sự nghiệp phát triển Tây Tạng nói chung. Với tinh thần này đã có 26 tỉnh và các khu tự trị, thành phố trực thuộc thành lập 150 lớp hoặc ban Tây Tạng để chiêu sinh từ Tây Tạng đến học và khi tốt nghiệp sẽ quay về phục vụ Tây Tạng. Các lớp này đã có 18.000 học sinh Tây Tạng theo học, trong đó 5000 học sinh đã tốt nghiệp quay về Tây Tạng⁽⁷⁾. Thực tiễn chứng minh rằng, chính bằng các phương pháp thúc đẩy nội lực đó nên nền giáo dục dân tộc ở Tây Tạng cũng như năng lực của đội ngũ cán bộ thôn bản ở Tây Tạng đã có những tiến bộ đáng khích lệ. Sự

giúp đỡ của cả nước đã tác động đến nhân dân Tây Tạng làm cho họ không chỉ tích cực đưa con em đến trường mà bản thân họ cũng cố gắng theo học hoặc tiết kiệm chi tiêu để ủng hộ giáo dục. Ví dụ như năm 1991, nhân dân huyện Đồi Long Đức Khánh và huyện Tả Cống đã đóng góp 800 ngàn NDT xây dựng các lớp học mới. Kinh nghiệm thành công ở Tây Tạng vào các năm 1989, 1992, 1995 cũng được đem áp dụng với khu tự trị Tân Cương.

Vào những năm cuối của thế kỷ XX, Trung Quốc thực hiện chiến lược “Khoa giáo hưng quốc” theo tinh thần lấy khoa học và giáo dục chấn hưng đất nước. Thực hiện chiến lược này, thời gian đầu Bộ Giáo dục Trung Quốc và chính quyền các cấp đã động viên khuyến khích các Viện nghiên cứu, các trường đại học và cao đẳng quan tâm đến việc nghiên cứu vấn đề giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số. Sau khi có những kết quả thực tiễn, Trung Quốc đã chỉ đạo các trường đại học, các viện nghiên cứu và các cơ quan trung ương và cấp tỉnh huyện nỗ lực triển khai thực hiện kế hoạch này. Mỗi viện nghiên cứu, mỗi khoa tại các trường đại học, mỗi đơn vị hành chính ở châu, huyện, tỉnh và trung ương đều được giao trách nhiệm kết nghĩa để giúp đỡ 2 hoặc 3 huyện, xã tại những vùng có điều kiện khó khăn. Để thực hiện kế hoạch này, các đơn vị không thể giúp bằng tiền mà chỉ có thể tập trung đào tạo nâng cao năng lực làm việc cho cán bộ và nông dân ở các địa phương đó. Các đơn vị phải luân phiên điều động một đội ngũ cán bộ

hưởng lương và mọi chế độ tại cơ quan mình nhưng trực tiếp nằm vùng tại các thôn, bản, xã được phân công với nhiệm vụ giải quyết những vấn đề cụ thể tại cơ sở và bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể cho cán bộ địa phương. Nhiệm vụ thường được đặt ra là trong 2 đến 3 năm phải đưa các địa phương kết nghĩa này đạt được sự phát triển rõ ràng về kinh tế, văn hoá, xã hội. Lãnh đạo cấp trưởng của các cơ quan phải chịu trách nhiệm nếu 2 trên 3 đơn vị kết nghĩa không đạt mục tiêu đề ra.

3. Một vài nhận xét

Trải qua gần 60 năm nỗ lực phấn đấu, đặc biệt là 30 năm cải cách mở cửa, công tác đào tạo cán bộ và giáo dục phổ cập ở vùng dân tộc thiểu số đã thu được những thành tích đáng khích lệ. Từ sau khi thành lập nước, Trung Quốc đã bồi dưỡng được hơn 2.000.000 cán bộ hoặc các kỹ thuật viên khoa học chuyên nghiệp, tuyệt đại bộ phận trong số họ đã trở thành cán bộ cốt cán, phục vụ cho các khu tự trị dân tộc và quá trình hiện đại hóa đất nước, họ đã có nhiều cống hiến to lớn cho sự ổn định biên cương, đoàn kết và phát triển của các dân tộc. Đến năm 1994, các ban ngành thuộc Bộ giáo dục và 11 đơn vị hành chính như khu tự trị Nội Mông, Khu tự trị Tân Cương đã thành lập được 230 lớp học dân tộc nội trú và chiêu sinh đến gần 1 vạn học sinh. Riêng năm 1990, các ban ngành trực thuộc Bộ Giáo dục đã thành lập được 59 lớp dân tộc, thu hút 1457 học sinh. Năm 1992 các trường cao đẳng

trong toàn Trung Quốc đã chiêu sinh hơn 140.000 người thuộc dân tộc thiểu số; đào tạo và bồi dưỡng được một đội ngũ cán bộ, trí thức là người dân tộc thiểu số có lòng yêu nước, kiên trì chủ nghĩa xã hội, có tri thức khoa học kỹ thuật hiện đại. Đội ngũ giáo viên dân tộc thiểu số cũng không ngừng trưởng thành và phát triển. Trước giải phóng, số giáo viên là người dân tộc rất ít. Hiện nay, trong số 9.010.000 giáo viên phổ thông các cấp trên toàn Trung Quốc có 726.500 người là dân tộc thiểu số. So với thời kỳ đầu xây dựng đất nước, số giáo viên phổ thông tăng bình quân 5,31 lần, trong đó số giáo viên người dân tộc thiểu số tăng 11,21 lần⁽⁸⁾.

Đạt được kết quả này là do Trung Quốc đã chú trọng toàn diện vùng dân tộc thiểu số. Mọi chủ trương chính sách đều được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và tuân theo pháp luật của nhà nước, kiên trì đường lối XHCN về chính sách dân tộc, đặc biệt là chính sách đào tạo cán bộ là người dân tộc thiểu số. Từ quá trình xây dựng và phát triển, ngành giáo dục Trung Quốc nhận ra một thực tế là không ai yêu, không ai hiểu và cũng không ai thích hợp làm việc ở vùng dân tộc hơn chính con em là người dân tộc. Vì thế, Trung Quốc đã có chính sách đào tạo, cải cách giáo dục, nhất là giáo dục hướng nghiệp hợp lý để con em các vùng dân tộc có thể học tập nâng cao trình độ và góp phần vận động những người thuộc lực lượng lao động cùng tham gia học tập để cùng nhau phục vụ quê hương.

Mặt khác, các chính sách này đều xuất phát từ thực tế của các khu tự trị cũng như thực tế của các dân tộc thiểu số để phục vụ cho mục tiêu chung và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. Kiên trì thực hiện phương châm sự giúp đỡ của nhà nước phải đi đôi với tinh thần tự lập tự cường của các dân tộc.

Ngoài ra những thành công này phải dựa trên quan điểm phát triển kinh tế xã hội phải dựa trên tiêu chí ưu tiên phát triển giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số. Đây là biện pháp đúng đắn để nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, đào tạo cán bộ cho các thôn bản. Tuy nhiên, cũng cần phải chú ý duy trì và phát huy những nét ưu tú đặc sắc của văn hóa các dân tộc và giao lưu văn hoá giữa các dân tộc với nhau để tăng cường học tập, tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhau.

Tuy nhiên, một thực trạng cần lưu ý là ở các địa phương có trình độ phát triển không đồng đều về kinh tế và xã hội đã áp dụng mô hình đào tạo cán bộ cũng như kết cấu giáo dục chưa thật hợp lý, cơ sở giáo dục của nhiều tỉnh và các khu tự trị rất lạc hậu, yếu kém. Sự quan tâm của chính quyền các cấp cũng chưa thật đầy đủ, nhất là khâu đào tạo nghề nghiệp cho người trưởng thành còn phát triển chậm. Điều này dẫn đến một thực tế là cán bộ cơ sở không đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế và xã hội ở địa phương. Ở một số nơi, do cán bộ người địa phương không đủ nên có hiện tượng thu nhận học sinh phổ thông trung học hoặc học sinh đại học là người

nơi khác không đủ trình độ gửi đi đào tạo nên không đáp ứng được yêu cầu phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế và xã hội ở quê hương. Đối với việc chỉ đạo công tác giáo dục còn thiếu điều tra khảo sát hoàn cảnh cụ thể của từng khu tự trị cũng như đặc điểm của từng dân tộc để đưa ra nội dung giáo dục nói riêng và công tác đào tạo cán bộ nói chung những kế hoạch đầy đủ, chính xác.

CHÚ THÍCH :

(1) Văn kiện Đại hội XIV ĐCS Trung Quốc (bản tiếng Trung).

(2) *Cương yếu cải cách và phát triển giáo dục của nước CHND Trung Hoa*, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Quốc vụ viện công bố ngày 13-2-1993 (bản tiếng Trung).

(3) Ủy ban Dân tộc Trung ương, *50 năm công tác dân tộc Trung Quốc (1949 -1999)*, Nxb Dân tộc, năm 1999 (bản tiếng Trung).

(4) Lý Đức Muội chủ biên, *Các nhà lãnh đạo Trung ương với dân tộc thiểu số*, Nxb Đại học Dân tộc Trung ương, năm 1999 (bản tiếng Trung).

(5) *Cương yếu cải cách và phát triển giáo dục của nước CHND Trung Hoa*, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Quốc vụ viện công bố ngày 13-2-1993 (bản tiếng Trung).

(6) Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cương chủ biên: *Bàn về vấn đề cải cách và phát triển giáo dục*, xuất bản năm 1999, tr.238 (bản tiếng Trung).

(7) Trương Thiên Bảo Chủ biên, *20 năm giáo dục Trung Quốc dưới sự chỉ đạo của Lý luận Đặng Tiểu Bình*, Nxb Giáo dục Phúc

Kiến, Phúc Kiến Trung Quốc, xuất bản năm 1999, tr. 164 (bản tiếng Trung).

(8) Trương Thiên Bảo Chủ biên, *20 năm giáo dục Trung Quốc dưới sự chỉ đạo của Lý luận Đặng Tiểu Bình*, Nxb Giáo dục Phúc Kiến, Phúc Kiến Trung Quốc, xuất bản năm 1999, trang 238 (bản tiếng Trung).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Văn tuyển Đặng Tiểu Bình*, quyển 3, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, năm 1995.

2. Cục công tác tôn giáo dân tộc, Ủy ban mặt trận thống nhất Trung ương, *Thực tiễn và lý luận về 50 năm công tác dân tộc của Trung Quốc*, Nxb Đại học Dân tộc Trung ương, năm 1999 (bản tiếng Trung).

3. Lý Đức Muội chủ biên, *Các nhà lãnh đạo Trung ương với dân tộc thiểu số*, Nxb Đại học Dân tộc Trung ương, năm 1999 (bản tiếng Trung).

4. Ủy ban Dân tộc Trung ương, *50 năm công tác dân tộc Trung Quốc (1949-1999)*, Nxb Dân tộc, năm 1999 (bản tiếng Trung).

5. Trương Thiên Bảo Chủ biên, *20 năm giáo dục Trung Quốc dưới sự chỉ đạo của Lý luận Đặng Tiểu Bình*, Nxb Giáo dục Phúc Kiến, Phúc Kiến, Trung Quốc, xuất bản năm 1999 (bản tiếng Trung).

6. Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cương chủ biên, *Bàn về vấn đề cải cách và phát triển giáo dục*, Nxb Giáo dục Hà Bắc, Trung Quốc năm 1999 (bản tiếng Trung).

7. Cao Kỳ, *Chặng đường giáo dục nước Trung Quốc mới*, Nxb Giáo dục Hà Bắc, Hà Bắc, Trung Quốc xuất bản năm 1996.

